

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ CHỦ ĐỀ 4: GIA ĐÌNH THÂN YÊU

(Thực hiện từ ngày 01/12/2025 đến ngày 26/12/2025)

I. Mục tiêu

TT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung Giáo dục		Hoạt động GD
			Chung	Riêng	
1	18-24	Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.		- Hô hấp: Gà gáy, thổi nơ. - Tay: Đưa sang ngang; đưa ra phía trước (kết hợp với lắc bàn tay). - Lưng, bụng, lườn: nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên.	* Thể dục sáng: - Nhạc bài hát: + Cả nhà thương nhau + Mẹ yêu không nào. Hô hấp: + Gà gáy + Thổi bong bóng. + Tay: - Đưa sang ngang (18-24t). - Đưa ra phía trước (kết hợp với lắc bàn tay) (24-36t)
	24-36	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.		- Hô hấp: Tập hít vào thở ra - Tay: Đưa sang ngang, đưa ra phía trước (kết hợp với lắc bàn tay) - Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên. - Co duỗi từng chân.	- Lưng, bụng, lườn: Nghiêng người sang 2 bên (18 -36t) - Chân: Ngồi xuống, đứng lên (18-36t). + Co duỗi từng chân.(24-36t) * Hoạt động chơi - tập có chủ định: vận động. - Đi có mang vật trên tay (18- 36t) TCVĐ: Bóng tròn to

2	18-24	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi đi có mang vật trên tay	Đi có mang vật trên tay		
	24-36	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi có bê vật trên tay.			
4	18-24	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi trườn		Trườn về phía trước	*Hoạt động chơi - tập có chủ định: vận động. - Trườn về phía trước (18-36t) - Trườn qua vật cản (24-36t) - Trò chơi vận động: Dung dăng dung dẻ.
	24-36	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi trườn qua vật cản		Trườn qua vật cản	
5	18-24	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m	Ném xa bằng 1 tay		* Hoạt động chơi - tập có chủ định: vận động. - Ném xa bằng 1 tay (18-36t) - Trò chơi vận động: Trời nắng trời mưa
	24-36	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Ném xa lên phía			

		trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).			
6	18-24	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.		- Trẻ làm được việc như: - Nhón nhặt đồ vật - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	- Dạy lồng ghép các hoạt động \ thể dục buổi sáng. * Hoạt động với đồ vật: + Trang trí tranh hoa tặng mẹ (steam) + Tạo hình đôi đũa từ đất nặn. + Chọn đồ dùng to - nhỏ (steam). + Vẽ cuộn len + Góc nghệ thuật: + Tô màu cái bát. + Góc sách truyện: - Trẻ lật mở trang sách xem tranh truyện và gọi tên các nhân vật trong sách truyện.
	24-36	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Lật mở trang sách	
7	18-24	Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.		Xếp chồng 4-5 khối	- Dạy lồng ghép vào tất cả các hoạt động trong ngày. * Hoạt động chơi - tập có chủ định.
	24-	Trẻ phối hợp		- Tập cài, cởi	- Hoạt động với

	36	được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ		cúc áo, nhào - Chắp ghép hình, - Tập cầm bút tô, vẽ. Xếp chồng 6-8 khối - Tập cầm, bóp	đồ vật: + Tạo hình đôi đũa từ đất nặn.(steam) + Vẽ cuộn len + Chọn đồ dùng to-nhỏ. * Hoạt động chơi ở các khu vực chơi. - Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp nhà của bé. + Xếp vườn hoa của bé + Xếp vườn rau của bé. + Xếp nhà ăn của bé. * Hoạt động chơi tập buổi chiều: - Kỹ năng tự phục vụ: + Hướng dẫn trẻ kỹ năng cài cúc... - Trò chơi mới: + Bịt mắt bắt dê. + Tắm cho em + Gội đầu cho búp bê + Chuẩn bị mâm cơm
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.					

9					- Hoạt động đón trẻ: + Cho trẻ xem tranh ảnh về một số món ăn ở trường mầm non và trò chuyện với trẻ về ích lợi của những món ăn đó.
	18-24	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.			- Hoạt động ăn trưa: Cô giới thiệu tên món ăn, nhắc nhở trẻ, hướng dẫn trẻ cách cầm thìa cầm bát để xúc cơm, cô động viên trẻ ăn hết suất không để cơm rơi.
	24-36	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. Tên gọi một số thức ăn quen thuộc. + Ăn cơm, thịt, đậu rau, trứng... + Không làm cơm rơi vãi, không nói chuyện khi ăn. + Biết mời cô và bạn ăn cơm	

10	18-24	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Làm quen chế độ ngủ một giấc.	Hoạt động ngủ trưa cho trẻ nghe bài hát ru “Cò lả, ru em, ru con” để trẻ ngủ
	24-36	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	
11	18-24	Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.		Tất cả các hoạt động trong ngày: trong giờ đón trả trẻ, ăn ngủ, vệ sinh...
	24-36	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định		- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	
12	18-24	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc nước uống nước.)		Tập ngồi vào bàn ăn. Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. Làm quen với rửa tay lau mặt	- Vệ sinh cá nhân trước giờ ăn, sau giờ ăn, trước khi trả trẻ. - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi. - Trò chuyện trong hoạt động mọi lúc mọi nơi - Hoạt động ăn hướng dẫn trẻ kỹ năng cầm thìa, - Hoạt động trong ngày

	24-36	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín. Tập rửa tay, lau mặt - <i>Tập tự phục vụ:</i> + <i>Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.</i> + <i>Xúc cơm (không để cơm rơi),</i>	hướng dẫn trẻ các cầm cốc, kỹ năng rửa tay
14	18-24	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun) khi được nhắc nhở.			- Cho trẻ xem tranh ảnh, video và những hành động nguy hiểm 1 số vật dụng gây cháy nổ (bật lửa, bếp ga, bếp củi...)
	24-36	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	- <i>Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa.</i> + <i>Không được đến gần bếp ăn, ổ điện, bật lửa, phích nước</i>	- Cho trẻ xem một số video tình huống khi trẻ nghịch, chơi với các vật sắc nhọn trong giờ trả trẻ (<i>bếp ăn, ổ điện, bật lửa, phích nước nóng, xô nước, máy, máy nổ, cháy nhà,...</i>)

				<i>nóng, bỏ xe máy, cháy nhà...Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở</i>	
15	18-24	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn ghế ...)	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh:		- Tất cả các hoạt động trong ngày: Ăn, ngủ, đón-trả trẻ, hoạt động chơi ở các khu vực chơi, DCNT, Chơi tự chọn... * Chơi tự chọn: Chơi đồ chơi ngoài trời, sỏi, hạt hạt, bóng, phấn bảng... ĐCNT, lá cây, bóng, phấn bảng, hạt hạt... Chơi với bóng, vòng thể dục, cổng chui. - Kỹ năng giúp

	24-36	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.		- Nhận biết một số hành động nguy hiểm : + Leo trèo lên bàn, ghế, cửa sổ, leo trèo cây... + Chơi nghịch các vật sắc nhọn, hột hạt nhỏ, đất nặn, bút chì màu không được cho vào tai, mũi, miệng ... - Nhận biết các hành động của trẻ và người khác (xâm hại, bạo hành).	trẻ nhận biết các hành động (xâm hại, bạo hành).
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
16	24-36	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Trẻ sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm,	- Hoạt động chơi - tập có chủ định. Âm nhạc: + Nghe hát: Cả nhà thương nhau + Hát: Mẹ yêu không nào + Hát: Cả nhà thương nhau + Nghe hát: Ru

				tron (nhấn) - xù xì.	con + Hát: Chiếc khăn tay + Trò chơi âm nhạc: Tai ai tinh + Nghe hát: Em yêu cô giáo. + Nghe hát: Biết vâng lời mẹ + Hát: Ru em * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cái cốc; Trải nghiệm cho trẻ tham gia cùng cô lau cốc uống nước cùng cô; cái chậu; DCNT; cái chổi. + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa); DCNT, cây hoa xuyến chi (lá). + Cái rổ; trải nghiệm: Trẻ tham gia cất bát đúng nơi quy định cùng cô giáo; thùng rác; DCNT; cái xoong. Giỏ bắt cá; Trải nghiệm: Trẻ
--	--	--	--	-------------------------	--

					tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cái bát; DCNT; Cái xô. * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, gậy thể dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu... * Trò chơi mới: + Bịt mắt bắt dê + Tắm cho em. + Gọi đầu cho búp bê. + Chuẩn bị mâm cơm. * Hoạt động chơi ở các khu vực chơi: + Góc học tập: Cho trẻ nhận biết và nói tên các thành viên trong gia đình, các đồ dùng trong gia đình. + Góc nghệ thuật: + Hát các bài hát trong chủ đề. + Di màu cái cốc.
17	18-24	Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	Đồ chơi đồ dùng của bản thân (Nhóm/ lớp)	Hình ảnh của bản thân trong gương.	* Hoạt động chơi tập chủ định. - Nhận biết: Trò chuyện về các

					thành viên trong gia đình (Bố, mẹ) * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cái cốc; Trải nghiệm cho trẻ tham gia cùng cô lau cốc uống nước cùng cô; cái chậu; cái chổi. + Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô. + Cái rổ; trải nghiệm: Trẻ tham gia cất bát đúng nơi quy định cùng cô giáo; thùng rác; DCNT; cái xoong. + Giỏ bắt cá; + Trải nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cái bát; Dạo chơi ngoài trời; Cái xô.
	24-36	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.		- Công việc của những người thân gần gũi trong gia đình (Ông, bà, Bố, mẹ, anh, chị...) Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	
18	18-24	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của số người thân gần gũi trong nhóm/ lớp (cô giáo, các bạn...)		Các hoạt động trong ngày. * Hoạt động chơi tập có chủ định + Nhận biết: Trò

	24-36	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		Một số đặc điểm bên ngoài của bản thân và những người gần gũi	chuyện về các thành viên trong gia đình
20	18-24	Trẻ chỉ/ lấy /nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc - <i>Sống hòa hợp, hài hòa với môi trường tự nhiên</i>		- Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa);
	24-36	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	+ <i>Yêu quý, chăm sóc bảo vệ cây cảnh thiên nhiên..</i>	- Công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	DCNT, cây hoa xuyên chi (lá). + Trải nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cái bát; DCNT; Cái xô. * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hạt hạt, túi cát, cành cây, giấy a4, đất nặn, gậy thể dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu...
21	18-24	Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc màu xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người	Màu đỏ, xanh.		* Hoạt động chơi tập có chủ định: Nhận biết: + Nhận biết màu vàng (5e) (24-36t)

		lớn.			Nhận biết màu đỏ, màu xanh (18-24t)
	24-36	Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu. - Nhận ra 3 màu cơ bản		Màu vàng	
22	24-36	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to / nhỏ theo yêu cầu	- Kích thước to - nhỏ.		* Hoạt động chơi tập có chủ định: + Nhận biết: Kích thước to - nhỏ.
27	18-24	<i>Trẻ nhắc lại được tiếng việt tên bản thân, bạn trai, bạn gái, cây, hoa, màu sắc xanh, đỏ hướng dẫn, gợi ý của cô.</i>	<i>Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên bản thân, tên bạn, một số bộ phận trên cơ thể, cây hoa, lá màu sắc xanh, đỏ...</i>		* Hoạt động chơi tập có chủ định + Nhận biết: Trò chuyện về các thành viên trong gia đình. Tiếng việt: Bố, mẹ. + Nhận biết:
	24-36	<i>Trẻ nhận biết và nhắc lại được bằng tiếng việt tên bản thân, bạn trai, bạn gái,</i>			Nhận biết màu vàng (5e) (24-36t) Nhận biết màu đỏ, màu xanh (18-24t)

		<i>cây, hoa , màu sắc, xanh, đỏ, hương dân, gợi ý của cô..</i>			Nhận biết cái cốc (5e) Tiếng việt: Màu vàng, uống nước. Nhận biết kích thước to-nhỏ * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa); DCNT, cây hoa xuyên chi (lá). + Trải nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô. * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, giấy a4, đất nặn, gậy thể dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu... * Trò chơi mới: + Bịt mắt bắt dê + Tắm cho em. + Gọi đầu cho búp bê. + Chuẩn bị mâm cơm.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
a) Nghe hiểu lời nói					

28	18-24	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây, đi rửa tay...	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động. Ví dụ: Đến đây với cô, Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Các hoạt động trong ngày. Hoạt động chơi ở các khu vực chơi, dạo chơi ngoài trời cho trẻ cất đồ chơi đúng nơi quy định. - Hoạt động ăn, ngủ, trả trẻ: Trẻ cất cốc, bát Biết chào cô, chào bạn, chào bố, mẹ..., biết chăm sóc cây, nhổ cỏ cùng cô...
	24-36	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.			
29	18-24	Hiểu được từ “Không”; dùng hành động khi nghe “Không” được lấy “Không được sờ”		Trẻ biết từ (không) khi cô giáo không cho phép trẻ “Không” được lấy “Không được sờ”	* Các hoạt động trong ngày. * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cái cốc; Trải nghiệm cho trẻ tham gia cùng cô lau cốc uống nước cùng cô; cái chậu; DCNT; cái chổi. + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa); DCNT, cây hoa
	24-36	Trẻ trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?”		- Trẻ nghe và trả lời các câu hỏi: Cái gì? “Làm gì”, “Để làm gì”;... “Ở đâu”; Như thế nào?	

					xuyên chi (lá). + Cái rổ; trái nghiệm: Trẻ tham gia cất bát đúng nơi quy định cùng cô giáo; thùng rác; DCNT; cái xoong. Giỏ bắt cá; Trái nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cái bát; DCNT; Cái xô. * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hạt hạt, đất nặn, gậy thể dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu... * Hoạt động chơi ở khu vực chơi: - Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp nhà của bé. + Xếp vườn rau của bé. + Xếp vườn hoa của bé + Xếp nhà ăn của bé - Góc thao tác vai: + Gia đình, cô giáo, mẹ con, bác
--	--	--	--	--	---

					sĩ, nấu ăn. + Góc vận động: Chơi với bóng, vòng thể dục, túi cát. + Chơi với gậy thể dục, công chui. + Góc học tập: Cho trẻ nhận biết và nói tên các thành viên trong gia đình, các đồ dùng trong gia đình. + Góc nghệ thuật: Tô màu cái cốc. + Hát các bài hát trong chủ đề. + Góc sách truyện: Trẻ lật mở trang sách xem tranh và gọi tên nhân vật...
30	18-24	Trả lời được câu hỏi đơn giản: “ Ai đây?” “ Cái gì đây?”	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động chơi tập có chủ định: + Truyện: - Cả nhà ăn dưa hấu + Truyện: - Khỉ con biết vâng lời Tiếng việt: Nghe lời, ham chơi.
	24-36	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản.		- Trả lời và đặt câu hỏi: Ai đây?; cái gì?cây gì.., ở đâu?,	
b) Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu					

31	18-24	Trẻ nhắc lại được các từ ngữ và câu ngắn:		- Gọi tên các đồ vật, bạn , đồ dùng, cây cối, hoa ...hành động gần gũi.	* Hoạt động chơi, tập có chủ định: + Truyện: - Cả nhà ăn dưa hấu + Truyện: - Khỉ con biết vâng lời Tiếng việt: Nghe lời, ham chơi. + Thơ: - Thơ: Yêu mẹ Tiếng việt: Thối cơm, kẻ má - Dỗ em Tiếng việt: Làm vắng, buông màn * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cái cốc; Trải nghiệm cho trẻ tham gia cùng cô lau cốc uống nước cùng cô; cái chậu; DCNT; cái chổi. + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa); DCNT, cây hoa xuyên chi (lá). + Cái rổ; trải nghiệm: Trẻ
	24-36	Trẻ phát âm rõ tiếng			

					tham gia cất bát đúng nơi quy định cùng cô giáo; thùng rác; DCNT; cái xoong. Giỏ bắt cá; Trải nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cất bát; DCNT; Cái xô. * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, đất nặn, gậy thẻ dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu, sỏi, đồ chơi ngoài trời...
32	18-24	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ, khi nghe các bài thơ quen thuộc.	Nghe các bài thơ, đồng dao, câu đố, bài hát và truyện ngắn (truyện kể đơn giản theo tranh) Đọc theo đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng.	Lồng ghép vào các hoạt động chơi tập có chủ định. * Hoạt động chơi tập có chủ định: + Truyện: - Cả nhà ăn dưa hấu + Truyện: - Khi con biết vâng lời Tiếng việt: Nghe lời, ham chơi. + Thơ: - Thơ: Yêu mẹ
	24-36	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.			

					Tiếng việt: Thổi com, kê má - Dỗ em Tiếng việt: Làm vắng, buông màn. + Âm nhạc: Hát: + Cả nhà thương nhau + Mẹ yêu không nào. + Chiếc khăn tay. + Ru em.
c) Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp					
	18-24	Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm.		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	- Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cái cốc; Trải nghiệm cho trẻ tham gia cùng cô lau cốc uống nước cùng cô; cái chậu; DCNT; cái chổi.
	24-36	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	+ Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa); DCNT, cây hoa xuyên chi (lá). + Cái rổ; trải nghiệm: Trẻ

					tham gia cất bát đúng nơi quy định cùng cô giáo; thùng rác; DCNT; cái xoong. Giỏ bắt cá; Trải nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cái bát; DCNT; Cái xô. * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, đất nặn, gậy thẻ đục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu, sỏi, đồ chơi ngoài trời... * Hoạt động chơi, tập có chủ định. + Nhận biết: Trò chuyện các thành viên trong gia đình + Nhận biết màu vàng (5e) Nhận biết màu đỏ, màu xanh. + Nhận biết cái cốc + Nhận biết kích thước to-nhỏ - Hoạt động chơi các khu vực chơi
--	--	--	--	--	---

34	18-24	Trẻ chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân: (cháu uống nước, cháu muốn).	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản như: (cháu uống nước, cháu muốn).	Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động đón, ăn, ngủ, trả trẻ: Cô đón, bế trẻ vào lớp, nhắc trẻ chào ông, bà, bố mẹ, cô giáo... - Trẻ biết chào bố mẹ người thân đón, chào cô giáo, chào bạn khi ra về.
	24-36	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Biết chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân.		Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	
35	24-36	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	- Hoạt động đón, trả trẻ: Nhắc trẻ chào ông, bà, bố mẹ, cô giáo...
36	18-24	Trẻ bước đầu làm quen với sách		Mở sách xem tranh	* Hoạt động chơi các khu vực chơi. Trẻ lật mở trang sách xem tranh và gọi tên nhân vật.
	24-36	Trẻ nghe làm quen với sách		Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	
	18-24	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng Việt có</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng</i>	- Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. * Hoạt động chơi tập có chủ

37		<i>sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>viết chỉ đặc điểm của cây cối, đồ dùng, đồ chơi.</i>	định. + Nhận biết: Trò chuyện các thành viên trong gia đình + Nhận biết màu vàng (5e) Nhận biết màu đỏ, màu xanh. + Nhận biết cái cốc + Nhận biết kích thước to-nhỏ * Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cái cốc; Trải nghiệm cho trẻ tham gia cùng cô lau cốc uống nước cùng cô; cái chậu; DCNT; cái chổi. + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm cho trẻ tham gia thăm quan gia đình của bé cùng cô; cây hoa cánh bướm (hoa); DCNT, cây hoa xuyên chi (lá). + Cái rổ; trải nghiệm: Trẻ tham gia cất bát đúng nơi quy định cùng cô giáo; thùng rác; DCNT; cái
	24-36	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng việt chỉ đặc điểm của cây cối, đồ dùng, đồ chơi.</i>	

					xoong. + Giỏ bắt cá; Trải nghiệm: Trẻ tham gia tưới nước cho cây cùng cô; Cái bát; DCNT; Cái xô.
4. Lĩnh vực phát triển TC& KNXH và TM					
40	18-24	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.		- Giao tiếp với cô và bạn.	Trẻ giao tiếp trong các hoạt động trong ngày biết thể hiện sự quan tâm * Hoạt động chơi ở các khu vực chơi:
	24-36	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh. <i>Kiểm soát bản thân</i>	+ Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp nhà của bé. + Xếp vườn rau của bé. + Xếp vườn hoa của bé + Xếp nhà ăn của bé
				- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. + <i>Thể hiện sự quan tâm (Đồng cảm với người khác)</i> + <i>Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.</i> + <i>Bạn đau, khóc, ngã</i>	- Góc thao tác vai: + Gia đình, cô giáo, mẹ con, bác sĩ, nấu ăn. + Góc vận động: Chơi với bóng, vòng thể dục, túi cát. + Chơi với gậy thể dục, công chui.

				<i>biết gọi người lớn..</i> + <i>Trẻ biết xin khi được người khác cho quà</i>	+ Góc HT: Cho trẻ nhận biết và nói tên các thành viên trong gia đình + Góc nghệ thuật: Tô màu cái cốc. + Hát các bài hát trong chủ đề. + Góc sách truyện: Trẻ lật mở trang sách xem tranh và gọi tên nhân vật...
	24-36	Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.		- (<i>Đặt tên cảm xúc</i>) - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn,	
42	24-36	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Các hoạt động trong ngày. Hoạt động đón trả trẻ cô cho trẻ xem hình ảnh thể hiện hành vi cảm xúc vui, buồn.
43	18-24	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.		
	24-36	Trẻ biểu lộ sự thân thiện			
44	18-24	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; con chào ông, bà, bố, mẹ, chào cô...		- Tất cả các hoạt động trong ngày
	24-36	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		Chơi cạnh bạn, không cầu bạn	

45	18-24	Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế Búp bê. cho búp bê ăn nghe điện thoại...)	Thực hiện một số hành vi văn hóa đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		* Hoạt động chơi ở các khu vực chơi: + Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp nhà của bé. + Xếp vườn rau của bé. + Xếp vườn hoa của bé + Xếp nhà ăn của bé - Góc thao tác vai: + Gia đình, cô giáo, mẹ con, bác sĩ, nấu ăn.
	24-36	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		
46	24-36	Biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	+ Góc vận động: Chơi với bóng, vòng thể dục, túi cát. + Chơi với gậy thể dục, công chui. + Góc HT: Cho trẻ nhận biết và nói tên các thành viên trong gia đình + Góc nghệ thuật: Tô màu cái cốc. + Hát các bài hát trong chủ đề. + Góc sách truyện: Trẻ lật

					mở trang sách xem tranh và gọi tên nhân vật... - Trò chơi mới: + Bịt mắt bắt dê + Tắm cho em + Gọi đầu cho búp bê + Chuẩn bị mâm cơm. - TCVD: Con muỗi, tập tầm vông, con thỏ, nu na nu nông, trời nắng trời mưa, gieo hạt, lộn cầu vồng, dung dăng dung dẻ, bóng tròn to, bịt mắt bắt dê, lộn cầu vồng... * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, đất nặn, gậy thẻ dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu, sỏi, đồ chơi ngoài trời... - Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản của cô trong các hoạt động trong ngày.
47	18- 24	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản	- <i>Thực hiện một số quy định đơn giản</i>	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn	Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản của cô trong các hoạt

		của người lớn.	<i>trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.</i>	giản của giáo viên.	động trong ngày - Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, giờ ăn, giờ ngủ... và một số hoạt động trong ngày - Nhắc trẻ chào bố mẹ, ông bà, cô giáo,....
	24-36	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.		- Thực hiện được yêu cầu đơn giản của giáo viên	
49	18-24	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay).	- Nghe hát, nghe nhạc (với các giai điệu khác nhau), nghe âm thanh của các nhạc cụ.		* Hoạt động chơi tập có chủ đích: - Âm nhạc: + Nghe hát: Cả nhà thương nhau Hát: mẹ yêu không nào + Hát: Cả nhà thương nhau Nghe hát: Ru con + Hát: Chiếc khăn tay Trò chơi âm nhạc: Tai ai tinh + Nghe hát: Biết vâng lời mẹ Hát: Ru em * Hoạt động chơi tập ở các khu vực chơi: - Góc nghệ thuật: hát các bài hát trong chủ đề. Lồng ghép trong hoạt động chơi tập có chủ định.
	24-36	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc		
50	18-24	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- <i>Bảo vệ giữ gìn những đồ</i>	- Tập cầm bút vẽ.	* Hoạt động chơi tập có chủ

			<i>dùng, sản phẩm của mình và bạn khác</i>		định.
	24-36	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	- Hoạt động với đồ vật: + Trang trí tranh hoa tặng mẹ (Steam) + Vẽ uộn len + Tạo hình đôi đũa từ đất nặn. + Chọn đồ to-nhỏ. * Hoạt động chơi khu vực chơi: Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp nhà của bé. + Xếp vườn rau của bé. + Xếp vườn hoa của bé + Xếp nhà ăn của bé - Góc nghệ thuật: + Di màu cái cốc. + Di màu cái bát
51	24-36	Bước đầu tham gia bảo vệ môi trường.		- Trẻ nhặt bỏ rác đúng nơi quy định.	- Trả trẻ: Cho trẻ xem tranh, ảnh, video về các bạn nhặt rác, bỏ rác vào thùng. - Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động trả trẻ, DCNT, cho trẻ nhặt rác bỏ rác đúng nơi

					quy định.
--	--	--	--	--	-----------

II. Chuẩn bị:

- Máy tính, chiếu ngời, loa
- Tranh ảnh, hình ảnh về chủ đề “Gia đình thân yêu”.
- * Vận Động: Xắc xô, đường, túi cát, vật cản (Cuộn chiếu),...
- * Tranh minh họa nội dung bài thơ, truyện: Cả nhà ăn dưa hấu; khi con biết vâng lời.
- + Thơ: Yêu mẹ; dỗ em.
- * Hoạt động với đồ vật: Tranh a3, tranh a4, hạt, cành cây, bông,..., sáp màu, đất nặn, đĩa, băng con, bàn ghế, bóng to-nhỏ, rô to-nhỏ...
- Nhận biết: Tranh về các thành viên trong gia đình, cái cốc màu vàng, cốc inox...,
- Âm nhạc: Nhạc bài hát: Cả nhà thương nhau, mẹ yêu không nào, ru con, chiếc khăn tay, biết vâng lời mẹ, ru em, Mũ chóp, dụng cụ âm nhạc, xắc xô, mic...
- Đồ dùng đồ chơi cho các góc.
- + Góc hoạt động với đồ vật: Gạch, hàng rào, cây,
- + Góc thao tác vai: Rau, quả các loại, búp bê, xoong, chảo, bếp ga, sáp màu, giấy màu, giấy A4,...dụng cụ chơi bác sĩ (ống nghe, nhiệt kế...)
- + Góc nghệ thuật: Tranh cái cốc, cái bát chưa tô màu, sáp màu, nhạc các bài hát trong chủ đề...
- Đồ dùng đồ chơi dạo chơi ngoài trời: Cái cốc, cái chậu, cái chổi, cây rau cải, cây hoa cánh bướm, cây hoa xuyên chi, cái rô, cái bát, thùng rác, cái xoong, giỏ bắt cá, cái xô.
- Đồ dùng ăn: Bàn ghế, bát thìa đĩa đựng cơm rơi vãi, rô khăn lau tay.
- Đồ dùng ngủ: Phấn, chiếu, gối, chăn...
- Chơi buổi chiều: Làm quen với vở toán,...
- Đón trẻ, trả trẻ: Trò chuyện về chủ đề trong gia đình nhà con có những ai, cho trẻ xem tranh ảnh về các thành viên trong gia đình khuyến khích trẻ trả lời một số câu hỏi đơn giản. Hướng dẫn trẻ cất dép, cất đồ dùng vào tủ cá nhân rồi cho trẻ vào lớp, trò chuyện với trẻ về chủ đề. Trong gia đình con có những đồ dùng gì. Cho trẻ xem tranh ảnh hình ảnh về các đồ dùng trong gia đình,

III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Cô cho trẻ xem video, hình ảnh về các người thân trong gia đình.
- Cô xúm xít trẻ và trò chuyện, đàm thoại với trẻ người thân trong gia đình.
- + Trong gia đình con có những ai ?
- + Bố con tên gì?
- + Bố con làm nghề gì?
- + Mẹ con tên gì?

- + Hàng ngày bố mẹ chúng mình làm những công việc gì?
 - + Trong gia đình mình có những đồ dùng gì?
 - + Cái bát dùng để làm gì?
 - + Cái thìa dùng để làm gì?
 - + Để đồ dùng gia đình luôn sạch sẽ chúng mình phải làm gì ?...
- => Đúng rồi các con ạ. Trong gia đình chúng mình có ông, bà, bố, mẹ và mỗi người đều có công việc riêng đấy hàng ngày ông bà bố mẹ chăm sóc chúng mình đấy vì vậy chúng mình phải ngoan vâng lời ông bà bố mẹ... trong gia đình chúng mình có rất nhiều đồ dùng như bát, thìa, nồi, đĩa đĩa...những đồ dùng đó có công dụng riêng và để cho những đồ dùng đó luôn sạch đẹp chúng mình phải cất dọn đồ dùng đúng nơi quy định nhé.

Giáo viên

Tổ trưởng

Ký duyệt nhà trường

Vũ Thị Phương Thảo

Bùi Thị Hiền

Nguyễn Thị Thu Hồng